

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-9-2020

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Châu

Ông Trần Đại Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc “*Ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Phương T sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 437/2, ấp Gia Y, xã Gia T3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 164/C3, ấp Đức L3, xã Gia T2, huyện T, tỉnh Đồng Nai.  
(Vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Anh Đinh Bá H sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 437/2, ấp Gia Y, xã Gia T3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trần Phương T trình bày:***

Về hôn nhân: Chị Trần Phương T và anh Đinh Bá H quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gia T3, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/2014.

Vợ chồng chị T chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng một năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H sống không có trách nhiệm với gia đình và không đi làm để tạo lập kinh tế chung. Ngoài ra, chị T còn “ngghi ngờ” anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác (nhưng chị T không có bằng chứng để cung cấp cho Tòa án). Mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng vào khoảng giữa năm 2017 nên chị T đã nộp đơn xin ly hôn với anh H tại Tòa án. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án hòa giải và anh H hứa sẽ thay đổi nên chị T đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Không lâu sau đó, do anh H vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án hơn 02 (Hai) năm tù nhưng sau khi chấp hành án về anh H vẫn không thay đổi. Khoảng cuối năm 2019, chị T đã về nhà cha mẹ của chị T sống cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng; chị T có gặp anh H để nói chuyện về việc ly hôn và được anh H đồng ý nhưng vì anh H là người theo đạo công giáo nên anh H không đến Tòa án làm việc. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Bá H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Đinh Bá H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ kiện;

- *Về đường lối giải quyết:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn - chị Trần Phương T có yêu cầu ly hôn với bị đơn - anh Đinh Bá H, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh H hiện đang cư trú tại xã Gia T3, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Phương T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đinh Bá H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Phương T và anh Đinh Bá H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gia T3, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/2014 được xem là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Phương T, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị T và anh H đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Mặc dù sự việc này không được anh H thừa nhận nhưng căn cứ kết quả xác minh tại Công an xã Gia T3, huyện T xác định: “Anh H thường xuyên sinh sống và làm việc tại địa phương” và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H và nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh H đều vắng mặt thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị T xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trần Phương T.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Phương T và anh Đinh Bá H được ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị Trần Phương T xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Chị Trần Phương T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị Trần Phương T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Trần Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006006 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thùy Trang**